

Số: 69/2020/QĐST- HNGĐ

Cao Phong, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phùng Sinh T** - Sinh năm: 1980.

2. Bị đơn: Chị **Bùi Thị T** - Sinh năm: 1980.

Cùng cư trú tại: Xóm K, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169 - Phố L - H – quận H - Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Cần Văn H** - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, địa chỉ: Khu 2 - TT C – huyện C - Hòa Bình. *(Tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền không số /UQ - NHCS ngày 18/6/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C).*

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận ly hôn giữa:

Anh **Phùng Sinh T** và chị **Bùi Thị T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Phùng Sinh T** và chị **Bùi Thị T** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Có 02 con chung, cháu lớn là Phùng Thị N, sinh ngày 23/5/1999. Hiện tại sức khỏe của cháu tốt, phát triển bình thường, không bị hạn chế về năng lực, hành vi dân sự, đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thỏa thuận giao cháu Phùng Văn H, sinh ngày 21/8/2007 cho anh Phùng Sinh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phùng Văn H đủ 18 tuổi; Anh Phùng Sinh T chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, yêu cầu tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau: Anh Phùng Sinh T có trách nhiệm trả khoản nợ vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Hòa Bình là: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

2.5 Về án phí: Anh Phùng Sinh T tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này đã được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai số 0003804, ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong. Trả lại cho anh Phùng Sinh T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND H. Cao Phong;
- THADS H.Cao Phong;
- UBND xã Tây Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đức Thịnh